

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP

QUYỂN 3

Phẩm 2: BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI TỰ TẠI VƯƠNG (Phần 3)

Thiện nam! Như Lai lại có ba mươi hai hạnh. Ba mươi hai hạnh đó là gì?

Thiện nam! Như Lai biết rõ thị xứ, phi xứ. Nghĩa ấy ra sao?

Thiện nam! Không bao giờ có việc chúng sinh tạo ba nghiệp ác mà lại an hưởng an lạc. Đó là phi xứ (việc không xảy ra). Chúng sinh tạo ba nghiệp lành được hưởng quả vui. Đó là thị xứ (việc có thể xảy ra). Không thể có việc tham lam keo kiệt được giàu có. Chúng sinh hành bố thí mới được giàu có. Không có việc kẻ hủy phá giới cấm lại được thân trời. Chúng sinh hộ trì tịnh giới được thọ thân trời. Không có việc kẻ sân hận được thân đoan nghiêm. Người tu hạnh nhẫn mới đạt thân tướng đẹp đẽ đoan chánh. Kẻ lười biếng không bao giờ được thân thông lớn. Người siêng năng tu tập mới đạt đại thân thông. Không có việc kẻ buông lung tán loạn lại đạt định. Người chuyên tâm không loạn mới đạt chánh định. Kẻ ngu si không thể đoạn trừ tập khí phiền não. Người tu trí mới đoạn được tập khí phiền não. Không có việc tạo năm tội nghịch lại đạt vô lậu. Người không tạo năm tội nghịch mới thành tựu vô lậu. Người nữ không thể làm vua Chuyển luân. Người nam mới có thể làm vua Chuyển luân. Đế Thích, Phạm vương, Phật cũng vậy. Không có việc Chuyển luân vương cai trị đất nước bằng pháp tà vạy. Chuyển luân thánh vương cai trị đất nước bằng chánh pháp. Không có việc người cõi Uất-đơn-việt đọa vào ba đường ác. Người cõi Uất-đơn-việt mạng chung sinh lên các cõi trời. Kẻ sát sinh không thể sống lâu. Kẻ sát sinh mạng sống ngắn ngủi. Không có việc kẻ tà kiến đạt Thánh đạo. Người chánh kiến mới đạt Thánh đạo. Tu-đà-hoàn không thể đạt hữu thứ tám. Tu-đà-hoàn không thể đạt Niết-bàn. Không có việc hàng A-na-hàm thọ thân cõi Dục. Không có việc A-la-hán thọ thân hậu hữu. Hiền thánh không học pháp ngoại đạo. Người đạt bất thoái không thể thoái tâm Bồ-đề. Không có việc Bồ-tát an tọa nơi cõi Bồ-đề, chưa thành đạo đã rời tòa. Như Lai không thể có tập khí phiền não. Trí của

chư Phật không bị chướng ngại. Không có việc chúng sinh thấy được tướng kim đỉnh của Phật. Chúng sinh không thể biết cảnh giới Như Lai, không có việc tâm Như Lai không thường định. Không có việc chư Phật Thế Tôn có hai lời. Không có việc chư Phật có lỗi lầm.

Thiện nam! Đó là hạnh thứ nhất của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đại địa có thể có tướng động
Gió lớn có lúc có tướng dừng
Hư không có thể có sắc tướng
Phật không nói xứ là phi xứ.
Hư không có thể có cảnh tượng
Phật không nói xứ là phi xứ
Như Lai thuyết giảng xứ, phi xứ
Thượng, trung, hạ phần đều chân thật.
Không nói thị xứ phi xứ một
Hai xứ như vậy đều không hai
Như Lai tuy nói thượng trung hạ
Nhưng chẳng bao giờ có ba tướng.
Đức Phật đã biết xứ, phi xứ
Nên Phật thuyết giảng pháp vô thượng
Thế Tôn hiểu rõ tâm chúng sinh
Khéo léo phân biệt tướng vi tế.
Sa-môn, Phạm chí đều không rõ
Đâu là nhân duyên xứ, phi xứ
Chúng sinh không tỏ xứ, phi xứ
Nên không chứng đạt pháp giải thoát.
Như Lai thông đạt xứ, phi xứ
Nên được gọi là Bạc Vô Thượng
Nếu thấy chúng sinh không pháp khí
Như Lai tu tập tâm xả bỏ.
Tìm mọi phương tiện đợi thời cơ
Chỉ dạy chúng sinh đạt giải thoát
Như Lai - Thế Tôn trí vô thượng
Nên được gọi là Pháp bậc nhất
Đó là hạnh nghiệp tịnh thứ nhất.*

*Để giúp chúng sinh điều phục mình
Như Lai thuyết giảng Lục thứ nhất
Sâu xa vì diệu khó lường biết,
Pháp mầu như thế không thể giảng
Vì trừ tà kiến Phật thương giảng.*

Thiện nam! Như Lai biết rõ các nghiệp, báo, ân, xứ của chúng sinh trong ba đời. Nếu quá khứ chúng tạo nghiệp nhân ác, Như Lai biết vị lai chúng sẽ chịu quả chẳng lành. Nếu vị lai có nghiệp nhân thoái chuyển Như Lai biết rõ là nhân thoái chuyển. Nếu vị lai có nhân tăng trưởng pháp, Như Lai hiểu nhân đó sẽ tăng trưởng pháp. Nếu hiện tại có nhân tiến, thoái, Thế Tôn biết rõ vì nhân đó mà có tiến thoái. Nếu chúng sinh tạo nhân Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật Như Lai đều biết rõ. Đó là hạnh nghiệp thứ hai của Như Lai.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai chứng đạt trí vô thượng
Vì thế biết được nhân quả nghiệp
Hiểu rõ ba đời không phải ba
Biết nghiệp ba đời của chúng sinh.
Thông đạt nhân duyên của an lạc
Biết được nhân duyên tạo khổ đau
Như Lai diệt chấp không nhân quả
Vì thế tu tập nghiệp thứ hai.
Biết nhân hai pháp tiến và thoái
Nghiệp quả thiện ác cũng tỏ thông
Trí tuệ Như Lai không chướng ngại
Nhìn rõ mọi vật trái trong tay.
Biết tướng chân thật thượng trung hạ
Nhân pháp ba thừa rõ tất cả
Như Lai biết mọi nghiệp chúng sinh
Hiểu hết quả báo nghiệp thiện ác
Nghiệp quả chúng sinh thuộc ba đời
Thông đạt chân thật là chánh giác.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai, Thế Tôn biết mọi dục, giải của chúng sinh: tham dục, sân hận, ngu si. Tham của đời hiện tại dẫn sinh tham, sân, si đời vị lai. Như Lai biết rõ hiện tại có dục lành, vị lai lại có dục ác; hiện tại thích làm lành, đời sau lại thích làm lành. Như Lai biết rõ, hiện tại thích dục bậc hạ, vị lai lại có dục bậc hạ, trung,

thượng. Hiện tại hưởng dục bậc trung, vị lai lại đủ ba dục thượng, trung, hạ. Hiện tại thọ thượng dục, vị lai có đủ ba dục, thượng, trung, hạ. Như Lai hiểu chúng sinh từ tà tụ có thể trở thành chúng sinh chánh tụ; chúng sinh tán loạn an tọa trong chánh định. Phật biết dục của chúng sinh cõi Dục, Sắc, Vô sắc, biết Thanh văn có tâm và sự hiểu biết của Duyên giác, của Phật. Như Lai thông đạt tất cả nên thuyết pháp tùy căn cơ. Đó là hạnh nghiệp thứ ba của Phật.

Đức Thế Tôn nói kệ:

*Dục giải chúng sinh nhiều vô kể
Ý muốn của chúng không phải một
Như Lai thật biết tất cả dục
Tùy thuận căn cơ giảng chánh pháp
Nào là tham dục nào sân si
Tùy tướng biết rõ không điên đảo
Hạng thượng trung hạ cũng như vậy
Nhân quả thiện ác đều thật biết
Biết rõ ba tụ không tánh định
Hết thấy ba thừa cũng như thế
Hiểu thông ba đời không thuộc ba
Thuyết giảng ba lực cho chúng sinh.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ vô lượng cõi nước, pháp lành, pháp ác, pháp không ngại. Thế nào là biết? Trong không, ngoài không, trong ngoài không. Như Lai biết mắt, sắc, nhãn thức như hư không; ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc như giác, quán; hành như tánh hành; phiền não và tánh của khách trần; không ô nhiễm vì tánh của các pháp vốn tịnh; sinh tử do duyên sinh vô minh; biết Niết-bàn vì tư duy chân thật; biết trụ, ái, sân, si, tịnh, tịnh tâm giới của thế gian. Vì biết rõ nên có thể tùy căn cơ thuyết giảng pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ tư của Như Lai.

Khi ấy Đức Phật nói kệ:

*Như Lai - Sư Tử Chúa cõi người
Thật biết tất cả cõi chúng sinh
Trí tuệ Thế Tôn không giới hạn
Rõ biết vô số, vô biên cõi.
Biết nghiệp thiện ác, hạnh giải thoát
Thông hiểu mắt, sắc và nhãn thức
Tỏ thông vô lượng, vô số pháp*

*Tánh pháp xưa nay vốn thanh tịnh.
 Bên trong bên ngoài không sở hữu
 Năm ấm sáu nhập mười tám giới
 Nghiệp thân, khẩu, ý và bốn đại
 Tất cả các pháp đều không thật.
 Thông tỏ tất cả cõi chúng sinh
 Hết thấy đều như cảnh hư không
 Tánh tướng ba cõi không chân thật
 Các cõi phiền não cũng như thế.
 Tánh tướng phiền não không bền chắc
 Giải thoát vô lậu nào khác gì
 Như Lai tùy biết cõi chân thật
 Nhưng không nói ra, không kiêu mạn.
 Hư không rộng lớn không biên giới
 Cõi nước chúng sinh cũng như vậy
 Trí tuệ Như Lai vượt giới hạn
 Đoạn trừ ba chấp tướng hữu vi.
 Vô thượng sâu xa ấy trí Phật
 Hết thấy chúng sinh không biết được
 Đức Phật thương xót mọi quần mê
 Thuyết giảng hạnh nguyện thứ tư này.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ căn tánh ngu trí của chúng sinh; biết thuộc bậc thượng, trung, hạ; biết tăng giảm; biết tham, sân, si đều có ngàn ức loại; biết tham, sân, si nhiều hay ít; biết một loại căn làm tăng sinh tử, một loại căn làm giảm sinh tử; biết căn lành, căn không lành, không phải căn lành, không phải căn không lành, căn giải thoát, căn sáu tình, căn nam, căn nữ, mệnh căn, căn khổ, căn vui, căn lo, căn mừng, xả căn, tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; căn chưa biết muốn biết, căn đã biết, biết nhân của nhân căn cho đến nhân của ý căn căn, nhân nhĩ căn làm duyên nhãn căn, nhân tỷ căn làm duyên thiệt căn, nhân thiệt căn làm duyên thân căn; biết nhờ giới tu thí, nhờ thí tu giới. Như Lai biết dạy pháp bố thí cho ai, ai giữ giới được trí tuệ cũng thế; Phật hiểu cần dạy pháp bốn Niệm xứ cho ai, ai tu được tám Thánh đạo, chúng sinh nào học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật hoặc Phật thừa vô thượng; biết căn Duyên giác học pháp Thanh văn, chánh giác học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, biết người căn thấp có thể tu pháp cao, biết người căn cao lại thích pháp thấp; biết chúng sinh

nào chưa thể điều phục thì đợi cơ duyên, chúng sinh nào điều phục được thì giảng chánh pháp. Như Lai biết rõ tướng thuần thực không thuần thực, tướng không thuần thực thuần thực, tướng không thuần thực không thuần thực, tướng thuần thực thuần thực; biết căn sinh tử, giải thoát, trang nghiêm, trọn vẹn. Tất cả căn tánh, nhân duyên, quả báo Như Lai đều biết rõ. Đó là hạnh nghiệp thứ năm của Như Lai.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai biết căn đạt giải thoát
Nên biết mọi giải của chúng sinh
Hiểu rõ căn tánh thượng, trung, hạ
Tất cả các nghiệp cũng như thế.
Biết tướng nhẹ nặng của phiền não
Lại hiểu căn tánh khó điều phục
Căn thích sinh tử căn giải thoát
Nhãn căn, nhĩ căn và ý căn.
Hiểu rõ hành xử diệt xứ căn
Căn tánh tất cả hàng Tam thừa
Những ai chuyển được không chuyển được
Biết căn thuần thực không thuần thực.
Tùy thuận sở thích giảng pháp mầu
Kẻ cần la mắng cần xoa dịu
Kẻ nào chưa thể điều phục được
Như Lai đợi lúc hợp cơ duyên.
Thế Tôn có đủ phương tiện khéo
Diệt trừ phiền não trang nghiêm trí
Để trừ phiền não nơi chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh thứ năm.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thật biết đạo xứ, đâu là chánh định, tà định, bất định, hiểu sức của nhân, sức của quả báo, biết nhân duyên phước đức thời quá khứ, nhân duyên hiện tại khó điều phục hay dễ điều phục, nói ít hiểu nhiều, nói nhiều hiểu ít, biết chúng sinh này đạt hay không đạt giải thoát, biết người tu bất định tu gặp Thiện tri thức sẽ tu chánh định, không gặp bạn lành sẽ không giải thoát. Vì biết rõ nên Phật tùy sở thích của chúng sinh thuyết giảng chánh pháp. Nghe được, chúng chuyên niệm suy xét, đạt quả lành. Như Lai ra đời là vì chúng sinh bất định, không thuyết pháp cho chúng tà định. Vì sao? Vì chúng

không phải là pháp khí, không thể đạt giải thoát chân thật. Đó là tâm Xả của Phật đối với chúng sinh. Đại Bồ-tát thật biết tự tu trang nghiêm để diệt trừ chúng sinh tà định nên phát tâm Bồ-đề vô thượng. Như Lai biết tham có ba: Nhân thấy tịnh, nhân duyên thọ nhận, nhân duyên vốn có. Sân có ba: Nhân duyên sân, nhân duyên thọ nhận, nhân duyên vốn có. Si cũng có ba: Nhân duyên vô minh, nhân duyên chấp ngã, nhân duyên nghi. Như Lai lại biết chúng sinh có khổ đến chậm, khổ đến nhanh. Khổ đến chậm, niềm vui sớm đến; niềm vui đến nhanh thì khổ đến chậm. Niềm vui đến chậm có thể sẽ đến nhanh; biết có sức tu, có trí lực, có người đủ sức tu không đủ trí lực, có trí lực nhưng không đủ sức tu; người đủ trí lực và sức tu, không đủ sức tu không có trí lực. Người có thể thanh tịnh tâm nhưng không thể trang nghiêm, trang nghiêm được nhưng không thể tịnh tâm, người vừa thanh tịnh tâm vừa trang nghiêm, người không tịnh tâm cũng chẳng trang nghiêm. Người thanh tịnh thân nhưng không tịnh khẩu, ý. Tịnh khẩu, ý nhưng không tịnh thân; người thanh tịnh thân, khẩu, ý, kẻ không thanh tịnh cả ba. Đó là hạnh nghiệp thứ sáu của Như Lai.

Đức Thế Tôn lại nói kệ:

*Như Lai biết rõ nơi chúng đến
Cũng hiểu nhân duyên của mọi loài
Thông hiểu chúng sinh định, bất định
Kẻ điều phục được, không điều phục.
Không giảng chánh pháp kẻ tà định
Cũng chẳng điều phục căn thấp kém
Biết tham, sân, si đều có ba
Biết tướng nặng nhẹ của kết sử.
Hiểu rõ không chuyển, chuyển bốn đạo
Thế nên Thế Tôn hiểu hết đạo
Sức tu trí lực đều thật biết
Lực thượng trung hạ cũng như thế.
Biết thân, khẩu, ý tịnh không tịnh
Tâm và trang nghiêm đều rõ cả
Căn căn chúng sinh thuộc phiền não
Biết thế Như Lai diệt trừ sạch.
Chúng sinh mê muội không tỏ biết
Như Lai nói hạnh thứ sáu này.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết thiên, giải thoát, Tam-muội,

phiền não giải thoát. Nghĩa là biết chúng sinh vì nhân duyên ham thích sinh tử, vì nhân duyên ưa thích Niết-bàn. Thế nào là nhân duyên? Chúng sinh suy nghĩ chẳng lành là nhân duyên sinh tử, vì suy nghĩ chẳng lành nên nuôi lớn vô minh. Vô minh là nhân, các hành là duyên. Từ thức có danh sắc nên thức là nhân, danh sắc là duyên. Từ danh sắc có lục nhập nên danh sắc là nhân, lục nhập là duyên. Từ lục nhập có xúc nên lục nhập là nhân, xúc là duyên. Từ xúc có thọ nên xúc là nhân thọ là duyên. Từ thọ có ái nên thọ là nhân ái là duyên. Từ ái có thủ nên ái là nhân thủ là duyên. Từ thủ có hữu nên thủ là nhân hữu là duyên. Từ hữu có sinh nên hữu là nhân sinh là duyên. Từ sinh có khổ già chết nên sinh là nhân, già chết là duyên. Phiền não là nhân, nghiệp là duyên. Kiến chấp là nhân, ái kết là duyên. Phiền não là nhân, năm cái là duyên. Đó là nhân, duyên, vì những duyên đó chúng sinh ham thích sinh tử. Vì nhân duyên gì chúng sinh ưa thích Niết-bàn? Có hai nhân hai duyên để chúng sinh ưa thích Niết-bàn: Vui thích nghe pháp, thích suy nghĩ đúng. Lại có hai: Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Lại có hai: Trí không đi, trí không đến. Lại có hai: Quán sinh tử, quán Niết-bàn. Lại có hai: Thọ trì đúng pháp, chứng đạt. Lại có hai: Tu pháp giải thoát, đạt quả giải thoát. Lại có hai: Tận trí, vô sinh trí. Lại có hai: Đế trí, quán mười hai nhân duyên. Đó là nhân, duyên để chúng sinh ưa thích Niết-bàn. Như Lai biết rõ thiền, Tam-muội, giải thoát nên đoạn dục ác và pháp không lành, có giác có quán, ly sinh hỷ lạc nhập Thiền thứ nhất; nhập Sơ thiền, xuất diệt định; nhập diệt định, xuất Sơ thiền... nhập giải thoát cũng thế. Hết thấy chúng sinh không thể biết nơi xuất nhập của Như Lai. Phật biết trụ nơi định bình đẳng. Chúng sinh cho Phật nhập một Tam-muội kỳ thật Phật nhập tất cả Tam-muội. Chúng sinh thấy Phật xuất từ tất cả định, kỳ thật Phật chỉ nhập một định. Tam-muội của Như Lai không có thứ tự nhưng không phải là bất định. Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đều không thể biết. Như Lai biết giảng pháp đạt định Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát. Vì thế nên Phật tùy thuận thuyết pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ bảy của Phật.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai biết rõ nhân sinh tử
Cũng lại thông đạt nhân giải thoát
Nhờ biết nên tùy thuận giảng pháp
Diệt hết sinh tử nhân chẳng lành.*

www.daitangkinh.org

*Suy nghĩ chẳng lành nhân vô minh
 Vô minh làm nhân tạo sinh tử
 Nhân duyên phiền não chịu nghiệp quả
 Kiến chấp làm nhân tăng ái kết.
 Chúng sinh gần gũi Thiện tri thức
 Chuyên tâm nghe nhận pháp vô thượng
 Tam-muội quán sát trong ngoài không
 Là tự vượt qua biển sinh tử.
 Tu tập trí tuệ định vô thượng
 Quán pháp bình đẳng không đến đi
 Những ái quán thấy không sinh diệt
 Đạt mắt tịch tĩnh thấy tất cả.
 Tu ba giải thoát pháp vô thượng
 Đây đủ tận trí, vô sinh trí
 Đã tự đạt được trí vô ngại
 Vì mọi chúng sinh thuyết chánh pháp.
 Nhập thiền thứ nhất, xuất diệt định
 Nhập định diệt tận, tùy ý xuất
 Tam-muội Như Lai không thứ lớp
 Vì thế gọi là ở trong định.
 Tất cả các định Như Lai nhập
 Đều như pháp giới không sai khác
 Nhị thừa không biết trụ xứ Phật
 Bồ-tát nào hay định thâm diệu
 Chúng sinh luôn bị vô minh ám
 Không biết nơi nào Phật nhập, xuất
 Thế Tôn - vô thượng thương chúng sinh
 Thuyết giảng hạnh nghiệp thứ bảy này.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai biết rõ nghiệp quá khứ của mình từ một đời, hai đời, vô số đời, một tai nạn, hai tai nạn, vô lượng tai nạn, một kiếp, hai kiếp, vô lượng kiếp. Nhớ rõ tên, họ, đời sống hình tướng, bản chất, niềm vui, nỗi buồn, tuổi thọ. Như Lai biết chúng sinh tạo nghiệp nhân gì, thọ thân như thế nào; biết chúng sinh cũng như mình có sinh, có diệt. Biết nghiệp nhân của chúng sinh, chúng sinh tạo nhân sẽ thọ thân như nghiệp; biết tâm và nhân duyên của tâm, tâm này diệt, tâm khác sinh. Các việc đó hằng hà sa chúng sinh không tự biết. Với Túc mạng trí Như Lai biết ba đời không đầu cuối. Trí tuệ

Phật không thể suy lường được. Chúng sinh các người nên suy xét. Nhờ lực Phật, chúng sinh nhớ rõ nghiệp thiện ác trong quá khứ; biết mình đã từng trồng căn lành với Phật, Thanh văn, Duyên giác. Biết chúng sinh nhớ rõ, Phật tùy thuận thuyết pháp để chúng sinh không thoái chuyển. Đó là hạnh nghiệp thứ tám của Phật.

Bây giờ Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai nhớ rõ vô số kiếp
Các nghiệp thiện ác mình, chúng sinh
Thấy biết mọi việc vô lượng kiếp
Rõ như nhìn nắm quả trong tay.
Hiếu thông tên tuổi cùng dòng họ
Hình sắc tánh chất cũng như vậy
Thọ mạng, nơi sinh đều biết rõ
Nghiệp nhân thiện ác không sai sót.
Vô số tâm tánh của chúng sinh
Nhân duyên của tâm, nơi sinh diệt
Biết rõ tử sinh vô lượng kiếp
Vẫn không tổn giảm trí vô ngại.
Trí Phật khôn lường vượt ngôn ngữ
Nhị thừa không biết cảnh giới trí
Để giúp chúng sinh nhớ quá khứ
Phật tùy thuận giảng hạnh thứ tám.*

Lại nữa, thiện nam! Thiên nhãn của Như Lai thanh tịnh vi diệu, thấy sự sinh diệt đọa lạc của chúng sinh, hoặc thọ thân đẹp, hoặc thọ thân xấu, sinh ở cõi lành, sinh ở cõi ác; biết rõ nghiệp nhân, thân, khẩu, ý của chúng sinh tạo tác, hủy báng Thánh nhân, thêm nhiều tà kiến. Vì nghiệp ác, sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Biết chúng sinh ba nghiệp đều lành, không hủy báng Thánh nhân, nuôi lớn chánh kiến. Vì thế sau khi bỏ thân này, sinh trong cõi lành. Với Thiên nhãn, Như Lai thấy hết cõi nước của chư Phật nơi mười phương, không giới hạn như hư không, không hạn lượng như pháp giới. Biết lúc sinh, lúc diệt của chúng sinh, thời gian thành, hoại của thế giới, biết thời gian sinh diệt của chúng sinh, phát tâm Bồ-đề, thời gian chư Phật thành chánh giác, thuyết pháp, nhập Niết-bàn. Biết Thanh văn đạt giải thoát, chấp trong Niết-bàn. Duyên giác dùng sức thần thông độn ân tín thí. Mọi việc đó Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát năm thông không biết được. Thiên nhãn của Như

Lai thành tựu vô lượng công đức như thế. Với Thiên nhân, Như Lai quán biết chúng sinh nào được Phật hóa độ, Phật liền hiện thân. Chúng sinh khác không thấy được. Đó là hạnh nghiệp thứ chín của Phật.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trải vô lượng kiếp tu nghiệp lành
 Chúng đạt Thiên nhân thật thanh tịnh
 Thấy rõ chúng sinh ở mười phương
 Thọ đủ hình tướng nghiệp thiện ác.
 Chúng sinh thuộc hạng thượng trung hạ
 Sinh vào cõi lành đọa cõi ác
 Với thân, khẩu, ý tạo nghiệp lành
 Sẽ đạt quả báo tương xứng nhân.
 Như Lai biết rõ cảnh giới lành
 Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát
 Chư Phật mười phương diệt quân ma
 Thuyết giảng chánh pháp, nhập Niết-bàn.
 Thấy biết Thanh văn chứng giải thoát
 Vì chấp Niết-bàn chẳng độ sinh
 Hàng Bích-chi-phật dùng thần thông
 Đáp đền ân đức của thí chủ.
 Như Lai thuyết giảng pháp chân thật
 Ai nghe sẽ vượt biển sinh tử
 Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát
 Không ai hiểu được cảnh giới Phật.
 Như Lai thấy rõ từng hạt bụi
 Vô lượng, vô biên các cõi nước
 Vì độ chúng sinh đủ căn lành
 Đức Phật thuyết giảng hạnh thứ chín.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai tự biết lậu hoặc đã hết, viên mãn giải thoát, không còn thọ sinh, thành tựu phạm hạnh, mọi việc đã làm, không còn sinh tử. Trí lậu tận của Phật thanh tịnh vi diệu. Thanh tịnh là vì không còn tập khí. Trí Thanh văn còn hạn hẹp. Vì sao? Vì còn tập khí. Trí Duyên giác cũng vậy. Vì sao? Vì không có đại Bi. Trí lậu tận của Phật vô lượng, vô biên. Vì sao? Vì biết tất cả hành, thành tựu trọn vẹn Nhất thiết trí, vĩnh viễn đoạn trừ tập khí, thâm nhận bằng tâm đại Từ bi, trang nghiêm bằng bốn Vô sở úy, không chấp giữ pháp thế gian, không ai hơn, đi đứng nằm ngồi không lỗi lầm, như hư không trong sạch

sáng rõ, không mây mờ, trí lậu tận của Phật cũng thế, không xen lẫn tạp khí phiền não. Như Lai thành tựu trọn vẹn trí vô lậu này, thuyết pháp độ sinh, để chúng đoạn trừ phiền não. Bồ-tát nghe pháp phát tâm trang nghiêm, đoạn phiền não. Đó là hạnh nghiệp thứ mười của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đức Phật thành tựu trí lậu tận
Thanh tịnh không xen tạp, phiền não
Thanh văn, Duyên giác còn tạp khí
Nên trí lậu tận chưa thanh tịnh.
Như Lai đầy đủ đại Từ bi
Vì thế trí Phật không giới hạn
Thành tựu trọn vẹn tất cả hạnh
Biết rõ chúng sinh còn lậu hoặc.
Diễn thuyết vô thường, không ngã, sở
Để chúng biết không, không niềm vui
Khéo léo suy xét đạt mắt tịnh
Biết không chúng sinh, không sĩ phu.
Đại Bi thương xót mọi quần mê
Đầy đủ mười Lục, bốn Vô úy
Đoạn trừ phiền não, trí không ngại
Như Lai thuyết giảng hạnh thứ mười.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai đầy đủ bốn Vô úy, thành tựu hạnh Phật. Hạnh Phật là biết rõ tất cả pháp Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn. Không thể nói là Như Lai không hay biết các pháp. Vì sao? Vì Như Lai được tôn là Bạc Chánh Giác biết pháp bình đẳng, nào là pháp phàm phu, nào là pháp Thánh nhân, pháp Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật, Hữu học, Vô học, thế gian, xuất thế gian, pháp lành, pháp chẳng lành, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi. Bình đẳng biết tất cả pháp ấy được gọi là chánh giác. Bình đẳng: Tức không vì pháp chân thật. Không tương vì trừ tất cả tướng, không nguyện vì không chấp ba cõi, không sinh vì tánh không sinh, không hành vì tánh không hành, không xuất vì tánh không xuất, không đến vì tánh không có nơi đến, chân thật vì tánh không có ba đời, trí giải thoát vì tánh không vô minh, Niết-bàn vì tánh không sinh tử. Biết tất cả các pháp đều bình đẳng nên Như Lai được tôn là Bạc Chánh Giác. Quán sát xong, với tâm đại Từ bi, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Nếu không là Thế Tôn mà nghĩ là Thế Tôn, không

là Chánh giác lại nghĩ là Chánh giác, chưa đạt lậu tận lại nghĩ là đã đạt thì với bốn Vô úy Như Lai diệt trừ các ý nghĩ xấu ác ấy. Đó là hạnh nghiệp mười một của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Phật biết tất cả pháp bình đẳng
Nên được tôn là Nhất thiết trí
Phàm, Thánh, Bồ-tát và hạnh Phật
Thế gian, xuất thế, nghiệp lành dữ.
Không, Vô tướng, Nguyên, không sinh diệt
Tất cả Như Lai đều thấy biết
Vì thấy hết thấy đều bình đẳng
Diễn nói pháp hạnh thứ mười một.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai chân thật đoạn trừ hẳn các lậu hoặc nên nói: Ta đoạn trừ hết lậu hoặc, ta đều không không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chân thật mà nói Phật chưa đoạn hết lậu hoặc. Thế nào là Như Lai đoạn hết lậu hoặc? Với dục lậu Như Lai đạt tâm giải thoát. Với hữu lậu, vô minh lậu, tất cả tập khí, hết thấy hoặc lậu, tâm Phật đạt giải thoát nên Như Lai được gọi là lậu tận. Trong Đệ nhất nghĩa, chân trí của Phật không giác, không đoạn, không chứng, không tu. Vì thuyết giảng nên nói là lậu tận. Vì sao? Tận là không sinh, không diệt, vô tận là không thể nói. Không thể nói là vô vi. Vô vi là không xuất, diệt, trụ. Phật xuất thế nhưng không xuất thế vì tánh của pháp là thường trụ. Như Lai không thấy ngã và đoạn ngã. Như Lai an trụ trong đại Từ bi. Vì chúng sinh Phật nêu đoạn ngã. Đó là hạnh nghiệp thứ mười hai của Phật.

Khi ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai vĩnh viễn đoạn lậu hoặc
Vô số tập khí cũng đã trừ
Các pháp thế gian không thể nhiễm
Hoa sen trong bùn không dây bùn.
Phật sư tử chúa trong cõi người
Vì độ chúng sinh Phật thuyết giảng
Kỳ thật chư Phật không xuất, diệt
Không hề chấp ngã, sở hữu ngã.
Tất cả các pháp không tăng giảm
Tùy thuận tánh tướng Phật thuyết giảng
Như Lai trọn vẹn sức tự tại*

Giảng hạnh mười hai cho chúng sinh.

Lại nữa, thiện nam! Như Lai nói pháp ngăn đạo, ta không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, nói pháp ấy không thể ngăn đạo. Thế nào là ngăn, không ngăn? Có một pháp có thể ngăn đạo. Đó là buông lung. Lại có hai: không hổ, không thẹn. Lại có ba pháp: thân, khẩu, ý ác. Lại có bốn: dục, sân, sợ, si. Lại có năm: sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, uống rượu. Lại có sáu: không kính: Phật, Pháp, Tăng, Giới, Tam-muội, không buông lung. Lại có bảy: mạn, đại mạn, mạn mạn, tà mạn, lời sai, nghề xấu ác, nghĩ sai. Lại có tám: tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà mạng, tà nghiệp, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Lại có chín: sắp làm ác, hiện làm ác, đã làm ác, dùng thiện báo oán, dùng ác giữ thân. Lại có mười (chính là mười ác): sát sinh, trộm cướp, dâm dục, vọng ngữ, lời hai lưỡi, lời ác, lời không nghĩa, tham ghét, sân hại, tà kiến. Tỳ-kheo vì suy nghĩ ác nên không biết pháp hữu vi nhiều lỗi lầm, tâm điên đảo, vì điên đảo nên tăng thêm năm cái. Vì năm cái tăng nên để phiền não làm chướng ngại pháp lành. Phiền não làm nhân duyên thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác. Như Lai thật biết các pháp ngăn đạo, nên giảng thuyết chánh pháp để trừ các pháp ấy. Đó là hạnh nghiệp mười ba của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Những ai luôn sống trong buông lung
Hoàn toàn không thể đạt giải thoát
Thân, khẩu, ý nghiệp thường làm ác
Không hổ, không thẹn luôn phiền não
Tạo nhiều pháp ác ngăn trở đạo
Biết pháp đối trị không đối trị
Để diệt phiền não Phật thuyết giảng
Hạnh thứ mười ba đại Từ bi.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thuyết giảng chánh pháp rất ráo, chúng sinh nào tùy xét, thực hành sẽ đạt giải thoát. Ta không thấy Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn chân thật lại nói người tu đạo không đạt giải thoát viên mãn, vô thượng. Thế nào là chánh pháp. Có một: một thừa. Lại có hai: Xa-ma-tha, Tỳ-bà-xá-na. Lại có ba: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Lại có bốn: bốn Niệm xứ. Lại có năm: năm Căn. Lại có sáu: sáu Niệm xứ. Lại có bảy: bảy Giác phần. Lại có tám: tám Thánh đạo. Lại có chín: từ Sơ thiền đến định diệt tận. Lại có mười:

mười pháp lành. Đó là chánh pháp viên mãn, chân thật. Chánh pháp ấy không thể thêm, bớt, lấy, bỏ, chấp, thả. Không phải chánh, tà; không phải một, hai. Vì thương xót chúng sinh nên Phật thuyết giảng chánh pháp ấy. Đó là hạnh nghiệp thứ mười bốn của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai thật biết pháp tịch tĩnh
Nhưng ai tu học đạt giải thoát
Thế Tôn không thầy không người dạy
Tự tại trọn vẹn vị cam lồ.
Người tu ba bảy phẩm Trợ đạo
Diệt trừ phiền não được giải thoát.
Suy xét biết rõ pháp chân thật
Không chấp tánh pháp: Thật giải thoát
Như Lai thấy pháp tựa hư không
Như huyễn, như hóa, là sóng nắng
Đầy đủ mười Lục thân rộng lớn
Thuyết hạnh mười bốn cho chúng sinh.*

Lại nữa, thiện nam! Thân nghiệp của Như Lai không lỗi lầm. Kẻ ngu người trí đều không thể thấy lỗi của Phật. Vì sao? Vì dù là đi, ngồi, đứng, đắp y, mang bát, nhận vật cúng, thấy, nghe, thuyết giảng, ra vào xóm làng, thành ấp, chân Phật không đạp đất, luôn có hoa sen ngàn cánh nâng chân Phật. Nếu chúng sinh thấy bóng Phật sẽ được an vui trong bảy ngày không cần ăn uống, sau khi chết sinh vào cõi lành. Y phục của Như Lai cách thân bốn tấc, gió mạnh không thể lay động bóng Phật. Tuy đạt các pháp ấy, nội tâm Phật luôn an định. Vì thế thân nghiệp của Phật không lỗi lầm.

Thiện nam! Khẩu nghiệp của Phật không lỗi lầm. Vì sao? Vì Như Lai nói: Lời đúng lúc, lời chân thật, lời đúng, lời hợp thời, lời có ý nghĩa, không nhiều lời, nói làm hợp nhau, lời thanh tịnh, lời biết tất cả, lời vi diệu, lời không khác, một âm thanh. Ý nghiệp của Như Lai không lỗi lầm. Vì sao? Vì tuy làm tất cả việc Phật nhưng nội tâm của Như Lai không kiêu mạn. Trí biết tất cả pháp nhưng không cần suy nghĩ, vận trí. Đó là trí không ngại của Như Lai. Vì trừ diệt lỗi lầm của chúng sinh nên Phật giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp mười lăm của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

*Thân, khẩu, ý Như Lai tịch tĩnh
Vì thế không ai thấy lỗi lầm*

*Không gì để nói nhưng lại nói
Là nghiệp không nghiệp để lưu truyền.*

Lại nữa, thiện nam, Như Lai không tranh cãi với Trời, Người, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn. Vì sao? Vì không tham ái. Tất cả thế gian tôn kính cúng dường, Phật không kiêu mạn, không thích thú, chúng sinh hủy báng khinh thường Phật không buồn khổ, thành tựu mọi việc lành, không làm ác. Như Lai không tranh cãi, luôn tu định không tranh chấp, không chấp ngã và sở hữu của ngã. Để dẹp trừ sự tranh chấp của chúng sinh, Phật nêu giảng các nghiệp. Đó là hạnh nghiệp mười sáu của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai tu tập định không tranh
Vì thế tâm Phật không giận vui
Đoạn trừ phiền não của chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh mười sáu.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai nhớ rõ tất cả, tâm luôn an trụ trong tám Giải thoát, thường quán ý hạnh của chúng sinh để tùy thuận thuyết giảng. Nhớ rõ bốn Vô ngại, việc trong ba đời, vì chúng sinh giảng pháp chánh niệm. Đó là hạnh nghiệp mười bảy của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai tu tập tám Giải thoát
Vì thế nhớ kỹ tất cả pháp
Biết tâm chúng sinh tùy thuận dạy
Giảng thuyết hạnh này cho chúng sinh.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai luôn sống trong định dù là đi, đứng, nằm, ngồi, biết nghĩa vi diệu sâu xa của các pháp. Chúng sinh dù nhập định không nhập định đều không thể biết tâm của Như Lai. Riêng Phật với sức định, làm cho tất cả chúng sinh luôn sống trong định nên thuyết chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp mười tám của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai Chánh giác sống trong định
Làm mọi việc Phật không tán loạn
Chúng sinh nhập định không thể biết
Vì thế Như Lai thuyết hạnh này.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai không vọng tưởng: không phân biệt ruộng phước, không phải ruộng phước, chúng sinh, pháp, chánh giác, pháp giới, giữ giới, hủy giới, kẻ oán, người thân, thọ, không thọ, chánh

kiến, tà kiến. Để trừ các vọng tưởng của chúng sinh Như Lai nêu giảng hạnh này. Đó là hạnh nghiệp mười chín của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai đoạn trừ tất cả tưởng
Vì thế biết rõ các pháp giới
Để giúp chúng sinh trừ vọng tưởng
Thuyết hạnh mười chín của Phật-đà.*

Lại nữa, thiện nam! Với trí tuệ, Phật biết mọi pháp Xả bỏ. Vì sao? Vì tu thân, giới, tâm, tuệ, đoạn si. Tâm Xả của Như Lai vượt trên thế gian, là tâm Xả của Thánh nhân, rốt ráo, chuyển pháp luân, đại Bi, tạo lợi ích cho chúng sinh, biết đối trị. Tâm Xả đó không thêm, bớt, cao, thấp, không xen phiền não, không một, không hai, vượt thời gian, không gian, không thể đối chiếu, không trụ, không động, không ẩn, không hiển, chân thật, không hư dối. Như Lai thành tựu đại Xả, thuyết giảng chánh pháp cho chúng sinh. Đó là hạnh nghiệp hai mươi của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai tu thân, giới, tâm, tuệ
Tu tâm xả bỏ bằng trí tuệ
Không tâm tham ái mọi chúng sinh
Không động không trụ, xả chân thật.
Đại Từ, đại Bi, Bạc Vô Thượng
Đầy đủ hạnh đại Xả như vậy
Trí tuệ không ngại độ quần mê
Giảng thuyết hạnh này hạnh thanh tịnh.*

Lại nữa, thiện nam! Lòng mong mỏi của Như Lai không thêm không bớt. Đó là gì? Lòng mong mỏi pháp lành, nghĩa là đại Từ, đại Bi thuyết pháp độ sinh, an trụ nơi tịch tĩnh, khuyên Bồ-tát học đạo Bồ-đề để hạt giống ba thừa không diệt. Lòng mong mỏi ấy không xuất phát từ dục vọng mà là từ trí tuệ. Vì muốn tất cả chúng sinh thành tựu Bồ-đề vô thượng, Phật giảng nói chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi một của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Ý muốn Như Lai không thêm bớt
Đại Từ, đại Bi giảng chánh pháp
Hạt giống ba Thừa luôn phát triển
Như Lai giảng hạnh hai mươi một.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai luôn siêng năng, không ngừng nghỉ. Nghĩa là luôn thuyết pháp hóa độ chúng sinh. Nếu chúng sinh nào có thể nghe pháp trong vô số kiếp, Như Lai sẽ thuyết giảng, không nghỉ. Nếu Đức Phật nào thuyết giảng chánh pháp suốt vô lượng kiếp, Như Lai sẽ chuyên tâm nghe nhận, không biếng nhác. Cách vô lượng hằng hà sa cõi nước có chúng sinh đáng được độ, Như Lai sẽ tùy thuận đến đó. Như Lai không bỏ chúng sinh, không ngừng nghỉ, không mỏi mệt, không hối hận. Khuyến dạy chúng sinh để chúng siêng tu. Đó là hạnh nghiệp hai mươi hai của Phật.

Lúc ấy Đức Thế Tôn nói kệ:

*Đủ đức siêng năng sư tử chúa
Ở trong đại chúng khen tinh tấn
Siêng năng thuyết giảng, không ngừng nghỉ
Đó là hạnh nghiệp hai mươi hai.*

Lại nữa, thiện nam! Tâm niệm của Như Lai không thêm bớt. Vì sao? Vì lúc thành đạo Bồ-đề vô thượng Như Lai quán sát tâm của chúng sinh suốt ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Về sau lúc thuyết pháp Phật vẫn nhớ rõ, hết ba tụ, ba căn, thuyết pháp trong chánh niệm. Đó là hạnh nghiệp hai mươi ba của Như Lai.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Khi Đức Như Lai đạt Bồ-đề
Quán sát tất cả tâm chúng sinh
Thuyết giảng giáo pháp trong chánh niệm
Đó là hạnh nghiệp hai mươi ba.*

Lại nữa, thiện nam! Chánh định của Như Lai bình đẳng trước tất cả. Đối với một ức tham, sân, si và một ức không tham, sân, si tâm Như Lai bình đẳng không sai khác. Với hữu vi, vô vi, sinh tử, Niết-bàn đều thế, Tam-muội bình đẳng trọn vẹn như vậy, không phải mất tai mũi lưỡi thân ý, bốn đại, ba cõi, không phải đây kia, một, tất cả, thêm, bớt. Để chúng sinh đạt Tam-muội đó, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi bốn của Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai quán sát tất cả pháp
Tâm thường tịch định không tán loạn
Không bị cuốn trôi trong ba cõi
Các căn bốn đại cũng như thế.*

*Hết thấy các pháp không sai khác
 Bình đẳng quán sát thiện, không thiện
 Như Lai thuyết giảng hạnh nghiệp này
 Để các chúng sinh đạt chánh định.*

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai không tổn giảm, với trí lực ấy Như Lai biết tất cả pháp, tùy thuận sở thích của chúng sinh, thuyết giảng chánh pháp để khiến họ đạt trí vô ngại. Biết nghĩa lý, văn tự, câu cú, trải qua vô số kiếp thuyết giảng một câu với vô số nghĩa, giải trừ mọi nghi ngờ. Như Lai thuyết giảng pháp ba thừa và tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp tu. Đó là trí tuệ vô lượng, vô biên. Để chúng sinh đạt trí này, Như Lai thuyết giảng chánh pháp. Đó là hạnh nghiệp hai mươi lăm của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trí Phật vô ngại không giới hạn
 Thuyết giảng vô số pháp vi diệu
 Một chữ trở thành vô số câu
 Một câu hàm chứa vô số nghĩa.
 Thuyết giảng tám vạn bốn ngàn pháp
 Và cũng ngần ấy các pháp tu
 Để chúng thành tựu trí vô ngại
 Như Lai thuyết hạnh hai mươi lăm.*

Lại nữa, thiện nam! Sự giải thoát của Như Lai không giảm. Hàng Thanh văn nghe pháp đạt giải thoát, Duyên giác quán nhân duyên đạt giải thoát. Như Lai không có thầy, tự mình giác ngộ, đoạn trừ hắc phiền não và tập khí. Không đoạn quá khứ, không chấp vị lai, không trụ hiện tại, không tham chấp hai pháp mắt, sắc ý, pháp cũng thế, biết tánh tâm thanh tịnh. Vì thế Như Lai một niệm thành tựu Bồ-đề vô thượng. Để chúng sinh thành tựu pháp ấy, nên Phật thuyết giảng pháp. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi sáu của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thanh văn nghe pháp đạt giải thoát
 Duyên giác quán duyên tự giác ngộ
 Như Lai giải thoát không chấp có
 Không tham ba đời, tánh tâm tịnh.
 Thuyết giảng chánh pháp vì giải thoát
 Để chúng thành tựu đạo vô thượng
 Hạnh hai mươi sáu không phải nghiệp*

Đại Từ, đại Bi giảng cho chúng.

Lại nữa, thiện nam! Thân nghiệp của Như Lai hành theo trí tuệ, mọi việc làm đều bằng trí. Chúng sinh nghe hoặc thấy Phật thuyết giảng, im lặng, đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, ra, vào xóm làng thành ấp, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đều được độ thoát. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi bảy của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Thân nghiệp Như Lai vì chúng sinh
Thị hiện vô số tướng đại nhân
Mọi việc của Phật đều độ sinh
Đại Bi thuyết giảng hạnh nghiệp này.*

Lại nữa, thiện nam! Khẩu nghiệp của Như Lai cũng bằng trí tuệ. Vì sao? Vì thuyết pháp thanh tịnh, không lỗi lầm, nói lời chân chánh, lời dễ hiểu, lời dễ biết, lời không cao, không thấp, lời không quanh co, lời không thô, lời lành, lời rõ ràng, lời nhẹ nhàng, lời không khinh thường, lời không ganh ghét, lời không lo sợ, lời rõ nghĩa, lời dễ nghe, lời thông thả, lời hay, lời thích nghe, lời có mạch lạc, lời trang nghiêm, lời cung kính, lời yêu thương, lời không tham, không cấu nhiễm, thanh tịnh, rốt ráo, không hư dối, không si, không ngăn ngại, rộng lớn, chân thật, không tạo tác, không cùng tận, an lạc, tâm thanh tịnh, tâm tịch tĩnh, diệt tham, trừ sân, đoạn si, trừ ma, phá luận tà. Tiếng Phật là tiếng Phạm thiên, Ca-lăng-tần-già, Đức thích, Hải triều, Câu-lôn-xà, Thu nguyệt, Khổng tước, Câu-chỉ-la, Mạng mạng, Thiên nga, hươu chúa, tiếng đàn, tiếng trống, trợn vện, tiếng nhạc, thích nghe, vui tai, tăng pháp lành, cú nghĩa không cùng tận, hợp tự cú nghĩa, đúng thời, tóm lược, biết đủ, điều phục các căn, thí trang nghiêm, thanh tịnh giới, cùng hạnh nhẫn, thần thông tinh tấn, xa lìa cõi Dục, đầy đủ trí tuệ, Từ, Bi, Hỷ, Xả, ba thừa, không đoạn Tam bảo, hiểu ba trí, rõ ba đời, hiểu ba giải thoát, phân biệt bốn Đế, tu tập, tán thán, lời Phật, lời Thánh, lời rộng lớn, lời không hành.

Thiện nam! Như Lai thành tựu những lời như thế nên khẩu nghiệp luôn tùy trí tuệ. Đó là hạnh nghiệp hai mươi tám của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Lời nói của Phật như ngọc sáng
Thành tựu vô lượng, vô biên đức
Tiếng phát vang khắp cõi mười phương*

*Cùng một âm thanh chúng đều hiểu.
Như Lai thuyết giảng không phân biệt
Cũng không quán sát cảnh giới, tâm
Tiếng nói của Phật tựa tiếng vang
Không nói không nghe cũng như thế.
Đại Từ, đại Bi lời thanh tịnh
Vì chúng sinh giải vô số pháp
Do đó nêu hạnh nghiệp Như Lai
Hạnh nghiệp hai tám như Phật trước.*

Lại nữa, thiện nam! Ý nghiệp của Như Lai sống trong trí tuệ. Vì sao? Vì Như Lai biết rõ tâm, ý, thức của tất cả chúng sinh, không tùy thuận ý, duyên, tham, sân, si; đoạn trừ hoặc chướng đối trá, ngã, sở hữu ngã, vô minh tăm tối. Ý nghiệp của Phật thanh tịnh, bình đẳng, rộng lớn như hư không. Vì thế ý nghiệp Phật luôn sống trong trí tuệ. Đó là hạnh nghiệp thứ hai mươi chín của Phật.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Tâm của Như Lai không thể lường
Như dùng sợi lông nâng Tu-di
Thường quán cảnh duyên tâm chúng sinh
Diệt trừ các ma, cõi phiền não.
Voi chúa trong đời giảng nghiệp lành
Đoạn dứt nghiệp ác cho mọi loài
Tịnh thân, khẩu, ý của chúng sinh
Như Lai thuyết giảng hạnh hai chín.*

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai thông tỏ quá khứ, không chướng ngại. Trí đó ra sao? Trí biết vô lượng, vô số Phật quá khứ, cây cỏ, chúng sinh trong cõi Phật, đối tượng duyên, âm thanh, ngôn ngữ, biết pháp Phật giảng, số chúng sinh đạt Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, biết cõi nước, tuổi thọ, số lượng chúng sinh, tên họ, không khí, thức ăn uống, căn, ý, pháp, tâm, hành, sự sinh diệt, hiện, mất của tâm. Sự hiểu biết đó vượt ngoài trí hiểu biết thông thường. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi của Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Trí Phật không ngại, không hoặc chướng
Vì thế biết rõ vô số cõi
Thông hiểu mọi việc của chư Phật
Căn tánh, pháp giới của chúng sinh.*

*Biết rõ quá khứ sự tử chúa
Tựa như nhìn ngắm trái trong tay
Thế Tôn thuyết giảng hạnh ba mươi
Để chúng sinh biết đời quá khứ.*

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai biết đời vị lai. Trí đó không chướng ngại. Vì sao? Vì biết sự thành hoại của vị lai, biết kiếp số bị ba tai: nước, lửa, gió; số lần nơi sự thành hoại của cõi nước, biết số lượng cõi Phật, số Phật ra đời, số bụi trong cõi nước, số Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, thời gian ăn nghỉ của Phật, việc đi đứng, nằm, ngồi của Phật, số người đạt sự giải thoát của Thanh văn, Bích-chi, Bồ-tát, số người tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, sự sinh diệt của tâm chúng sinh. Sự hiểu biết đó không gì sánh được. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi một của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai biết rõ đời vị lai
Việc thành việc hoại của các pháp
Biết số cõi nước, số Thế Tôn
Số lần sinh diệt tâm chúng sinh
Tuy biết tất cả không kiêu mạn
Là hạnh ba mươi của Như Lai.*

Lại nữa, thiện nam! Trí tuệ của Như Lai biết đời hiện tại. Trí đó không chướng ngại. Vì sao? Như Lai biết rõ cõi nước hiện tại trong mười phương, số Phật, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, biết rõ mặt trăng, mặt trời, sao, cỏ, cây, bụi, đất, nước, lửa, gió, nước biển, lông, tóc, hình tướng, sự sinh diệt của tâm chúng sinh, biết nghiệp báo hiện tại của địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thời gian ở đời, thời gian giải thoát, biết phiền não, căn tánh, ý, pháp giới. Tuy biết rõ nhưng Phật không kiêu mạn, không nói hai lời. Đó là hạnh nghiệp thứ ba mươi hai của Phật.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

*Như Lai Vô Thượng chẳng nghĩ bàn
Không ai biết được cảnh giới Phật
Trí tuệ Như Lai tựa hư không
Rộng lớn vô biên khó lường tính.
Đức Phật thuyết giảng nghĩa Đệ nhất
Là để chúng sinh đạt nghiệp này*

*Tổng Trì Tự Tại thưa hỏi Phật
Vô thượng Thế Tôn tùy ý đáp.*

Lại nữa, thiện nam! Như Lai thành tựu đầy đủ ba mươi hai hạnh đó có thể điều phục vô số chúng sinh.

Thiện nam! Vì chúng sinh, Thế Tôn nói các hạnh ấy, kỳ thật hạnh Phật không thể suy lường, tất cả chúng sinh không thể tư duy, nói giảng, biết rõ về hạnh ấy. Hạnh đó biết tất cả cõi nước như hư không. Vì sao? Vì chư Phật nơi mười phương đều bình đẳng. Sự thuyết giảng, quán sát chúng sinh, cõi nước, sự giải thoát cõi Phật một vị, chư Phật thuyết giảng pháp không thể nói.

Thiện nam! Như người thợ luyện kim giỏi, tìm được một hạt châu trong núi báu, sau khi ngâm nước, người ấy lại đem ngâm vào nước giấm, sau đó lại ngâm trong nước cốt đậu, rồi đến rượu đắng, cuối cùng ngâm trong thuốc. Sau khi mài dũa xong, hạt châu đó mới thật là hạt lưu ly xanh. Cũng thế, Như Lai biết cõi của chúng sinh không sáng sủa nên thuyết vô thường, khổ, không sạch để trừ tâm tham sinh tử của chúng. Như Lai siêng năng không ngừng, thuyết pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để chúng hiểu chánh pháp của Phật. Lại thuyết giúp người thoái tâm Bồ-đề biết pháp ba đời, thành tựu đạo Bồ-đề, đó là châu báu lớn, vì ruộng phước lành. Vì vậy hạnh nghiệp của Phật là không thể tư duy, lường tính, giảng thuyết được. Như Lai hành trì trọn vẹn ba mươi hai hạnh, tuy biết thân mình tựa hư không, nhưng hiện thân ở các cõi nước, thuyết pháp không thể nêu giảng, đoạn hẳn nhân duyên của tâm, biết cảnh giới của tâm chúng sinh, cảnh giới của Bồ-tát.

Thiện nam! Hạnh chân thật của Như Lai là luôn thọ ký cho Bồ-tát.

Lúc Đức Phật nêu giảng ba mươi hai hạnh này, mười phương thế giới đều chấn động sáu cách, ánh sáng soi khắp, mưa vô số hoa thơm, ở cõi báu này, Trời, Người, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Phi nhân nghe hạnh nghiệp của Như Lai đều vui mừng, thổi nhạc, rải hoa, treo cờ phướn lọng báu cúng dường Phật. Trong đó có chúng cúng các báu vật như châu la bảo, đỉnh bảo, xuyên tay, anh lạc, tạp bảo, châu mặt trời, châu mặt trăng, nhẫn tay, khoen tai, dây đai báu, ngọc bội, lưu ly xanh, châu liên hoa, châu kim sí điểu, châu Diêm-phù, châu Đế Thích, hỏa châu, quang châu, vô lượng quang châu, châu vô lượng sắc, châu mềm mại xinh đẹp, kim cương, kim sa, tạp Chiên-đàn, Đa-già-la, trầm thủy, Di-khư-đa-ma-la-bạt; hoặc rải các loại hoa: Mạn-đà-la, Ma-ha mạn-đà-la, Mạn-thù-sa, Ma-ha mạn-thù-sa,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TANG KINH

Câu-tỳ-đà-la, Ba-lợi-chất-đa-la, Lạc-hoa, Sa-la, Đại Sa-la, Bách diệp, Thiên diệp, Nhiễu diệp, Đại quang, Hương diệp, Lạc hương, Lạc kiến, Vô lượng sắc, Vô định sắc. Thủy sinh, Ưu-ba-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, Lục sinh, Bà-lợi-sư, Ma-lê, Tu-mạn-na, Dục đế, Đàn-nội-già-lê, A-đề mục-đa-già, Chiêm-bà, A-thúc-ca. Bồ-tát đến từ mười phương bay lên hư không, buông mình để cúng dường Phật. Sau đó, hóa hiện lưới báu che trên Phật, lại hiện mình trong lưới báu. Chư Phật nơi mười phương đều hiện một cây Ba-lợi để cúng dường Đức Phật Thích-ca. Nhờ Phật lực, những cây ấy bay đến cõi báu, trang nghiêm cõi này. Vô số chúng trong pháp hội phát tâm Bồ-đề vô thượng, vô lượng chúng đạt pháp Nhẫn vô sinh.

